TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG VĂN** TỈNH HÀ GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:03/2019/HNGĐ-ST Ngày 29 tháng 8 năm 2019 V/v: " *không công nhận quan hệ vợ chồng*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng Mí Chớ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Xuyến
2. Bà Lương Thị Nhiễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Châu Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Anh- Kiểm sát viên.

Vào hồi 8 giờ 00 ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29 /2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thò Xía C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh H - có mặt

2. Bị đơn: Chị Giàng Thị C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh H - có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Thò Xía Chứ trình bày:

Anh và chị Giàng Thị C sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị chung sống tại thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh H. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tin tưởng lẫn nhau, hay ghen tuông nên vợ chồng xảy ra xích mích, đánh chửi nhau dẫn đến cuộc sống chung căng thẳng, nặng nề. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm

đến nhau. tình cảm vợ chồng không còn nên anh có đơn đề nghị Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị C.

* Theo bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn chị Giàng Thị C trình bày:

Chị thừa nhận về thời gian vợ chồng tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, quá trình sống chung nhưng không đăng ký kết hôn như anh Chứ trình bày là đúng sự thật. Sau khi cưới, anh chị chung sống tại thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh H. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh Chứ hay ghen tuông, không tin tưởng chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ cuối năm 2017, chị C đã dọn ra ở cùng với ông bà ngoại nên vợ chồng ly thân từ đó. do tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng nhất trí theo đơn của anh Chứ, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh C.

* Về con chung: Anh C và chị C có năm người con chung là cháu Thò Mí S, sinh năm 1997; cháu Thò Thị S, sinh năm 1999; cháu Thò Mí H, sinh ngày 18/7/ 2005; cháu Thò Mí S, sinh ngày 04/7/ 2010 và cháu Thò Mí L, sinh ngày 01/7/ 2011.

Hiện nay cháu Thò Mí S và cháu Thò Thị S đã trưởng thành nên anh C, chị C không đặt vấn đề giải quyết. Đối với các cháu Thò Mí H, Thò Mí L, Thò Mí S thì anh chị thống nhất để cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi đủ 18 tuổi. (vì các cháu đều là con trai phải theo dòng họ của bố).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Chứ không yêu cầu chị Chúa cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung. Riêng về quan hệ hôn nhân, do anh C và chị C chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt còn nguyên đơn anh C giữ nguyên ý kiến của mình là đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh C và chị C; về con chung do cháu Sùng và cháu Súng đã trưởng thành nên anh C, chị C không đặt vấn đề giải quyết. Đối với các cháu Thò Mí H, Thò Mí L, Thò Mí S thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi đủ 18 tuổi . Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh c không yêu cầu chị C cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thò Xía C. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thò Xía C và chị Giàng Thị C.

Về con chung: Các cháu Thò Mí H, Thò Mí L, Thò Mí S cho anh Thò Xía C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi đủ 18 tuổi.

Về án phí : theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh C và chị C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng"; bị đơn chị Giàng Thị C có địa chỉ cư trú tại xã S, huyện Đ, tỉnh H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Giàng Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị C theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị C chung sống với nhau từ năm 1994, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn (theo Biên bản xác minh ngày 07/8/2019 tại UBND xã Sủ, huyện Đ, tỉnh H). Tòa án đã phân tích, động viên để các bên trở về đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng các bên đều xác định quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Anh C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị C thì về phía chị C cũng đồng ý. Do anh C và chị C chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay quan hệ tình cảm giữa các bên thực sự không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh C và chị C;

- Về con chung: Anh C và chị C có năm người con chung là cháu Thò Mí S, sinh năm 1997; cháu Thò Thị S, sinh năm 1999; cháu Thò Mí H, sinh ngày 18/7/ 2005; cháu Thò Mí S, sinh ngày 04/7/ 2010 và cháu Thò Mí L, sinh ngày 01/7/ 2011.

Đối với cháu Thò Mí S và cháu Thò Thị S đã trưởng thành nên anh C, chị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với các cháu Thò Mí H, Thò Mí L, Thò Mí S thì anh, chị thống nhất giao cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi đủ 18 tuổi (tại biên bản hòa giải ngày 12 tháng 8 năm 2019- bút lục số 39 đến 41)

Thỏa thuận nuôi con chung này của anh C với chị C cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu H, Lùng, S là muốn được ở với bố (biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2019 - bút lục số 29 đến 34). Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy chấp nhận các cháu Thò Mí H, Thò Mí L, Thò Mí S cho anh Chứ là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không yêu cầu cấp dưỡng. nên Hội đồng xét xử không đề cập.

- Về tài sản chung nợ chung : Hai bên không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Thò Xía C phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn chị Giàng Thị C không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36; Điều 39; Điều 146, 147, 205, 206, 220, 227, 228, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thò Xía C. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thò Xía C với chị Giàng Thị C.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh C, Chị C và nguyện vọng của các cháu: Anh Thò Xía C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Thò Mí H, sinh ngày 18/7/ 2005; cháu Thò Mí S, sinh ngày 04/7/ 2010 và cháu Thò Mí L, sinh ngày 01/7/ 2011 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi .

Hai bên có quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Anh Thò Xía C phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 03089 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh H. Chị Giàng Thị C không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

"*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 8 Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 . Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự* ".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh Hg;
- VKSND huyện Đ;
- THA dân sự huyện Đ ;
- UBND xã S;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Giàng Mí Chớ